

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17/6/2021

"V/v ly hôn và nuôi con chung"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch hội LHPN huyện

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

**- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST - HNGĐ ngày 03/3/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1978 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**Bị đơn:** Anh Vũ Văn L, sinh năm 1975 (vắng mặt)

**Người có QLVN liên quan:**

1. Cháu Vũ Kim Gia M, sinh ngày 02/6/2004

2. Cháu Vũ Hoàng V, sinh ngày 01/01/2012

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị Th – mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: B KH, B S, Ân Thi, Hưng Yên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2020 và lời khai của chị Th trình bày chị và anh L có thời gian tìm hiểu nhau, rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào năm 1999. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh L chung sống. Đến năm 2011, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thay đổi cách sống, cách nghĩ, anh L thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn, được gia đình hai bên khuyên bảo và anh L hứa thay đổi nên vợ chồng vẫn chung sống với nhau. Đến năm 2013, anh L vẫn chứng nào tật đấy, chị khuyên anh L không nghe, còn đánh và chửi chị, sự việc diễn ra thường xuyên nên

tháng 6/2013 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó. Tháng 02/2015 anh L chơi bời cấm cả nhà, không có tiền để lấy chị đã phải vay mượn để lấy nhà. Trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân nhau, anh L có đến thăm con nhưng chưa một lần anh L nói chuyện với bố mẹ chị và chị để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng về ở với nhau. Nay chị xác định tình tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Vũ M Nguyệt, sinh năm 2000, Vũ Kim Gia M, sinh năm 2004 và Vũ Hoàng V, sinh năm 2011.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của anh Vũ Văn L trình bày: Anh và chị Th là hai người khác xã, sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 2 tháng thì vợ chồng tiến tới hôn nhân, anh chị về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 22/3/1999. Sau khi cưới chị Th về ngay gia đình anh chung sống, chúng tôi có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2007 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, phân khác do làm ăn thua lỗ nên dẫn đến nợ nần, vợ chồng lời quan tiếng lại cãi nhau. Nhưng cả hai vẫn tìm được tiếng nói chung và sinh thêm 1 cháu nữa, đến năm 2013 vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau ngay cả những việc nhỏ nhất, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, chửi bới lẫn nhau, hai gia đình khuyên nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn, sau đó chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở, anh có đến xin bố mẹ cho chị Th về nhưng chị Th không về. Đến năm 2015, anh đầu tư dẫn đến thua lỗ, có vay tiền nên có cấm nhà, sau đó chị Th chuộc lại. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau 8 năm. Chị Th xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Vũ M Nguyệt, sinh năm 2000, Vũ Kim Gia M, sinh năm 2004 và Vũ Hoàng V, sinh năm 2011.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Tuất ( mẹ đẻ của anh L ) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chị Th, anh L vào năm 1999, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy. Sau khi thành vợ chồng chị Th về ngay gia đình bà chung sống. Khoảng 3 tháng thì chị Th, anh L ra ăn ở riêng. Quá trình chung sống anh chị chung sống bình thường, hạnh phúc, anh chị tập trung vào làm ăn, dẫn đến nợ nần, vợ chồng cãi nhau, sau đó chị Th mang con về bố mẹ đẻ ở từ năm 2015. Trong thời gian sống ly thân nhau anh L có đến bảo chị Th về nhưng chị Th không về, bà không xuống nhà nói chuyện nhưng bà gặp chị Th vẫn bảo chị Th về nhưng chị Th cũng không về. Nay chị Th xin ly hôn anh L, bà mong muốn anh chị về ở với nhau, việc vợ chồng anh L, chị Th có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh L, chị Th.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 03 con chung là Vũ M Nguyệt, sinh năm 2000, Vũ Kim Gia M, sinh năm 2004 và Vũ Hoàng V, sinh năm 2011

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Bà không nắm được.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Vũ Văn Tiên (anh trai của anh L) trình bày: Anh là anh trai của anh L, anh L, chị Th tự tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia

đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy. Quá trình chung sống anh em đều có gia đình và ở riêng nên anh L, chị Th có mâu thuẫn hay không anh không biết. Năm 2005, vợ chồng anh L, chị Th mua xe chung sau đó làm ăn thua lỗ, vợ chồng trực trặc. Đến năm 2013, chị Th về nhà bố mẹ để ở từ đó cho đến nay, có công việc gì chị Th vẫn về. Anh em và họ hàng cũng khuyên anh L, chị Th về ở với nhau nhưng không có kết quả. Năm 2015, không biết anh L làm gì, chơi gì mà cầm cổ đất của vợ chồng, sau đó chị Th lấy về.

Tại biên bản xác M với UBND xã Bãi Sậy: Chị Th, anh L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 22/3/1999 tại số 08. Quá trình chung sống chị Th, anh L mâu thuẫn cụ thể như thế nào UBND xã không nắm được. Anh L, chị Th đã sống ly thân nhau gần 10 năm nay. Nay chị Th xin ly hôn anh L đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Th, anh L có 03 con chung là Vũ M Nguyệt, sinh năm 2000, Vũ Kim Gia M, sinh năm 2004 và Vũ Hoàng V, sinh năm 2011.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa ngày 31/5/2021: Chị Th có mặt, anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227, HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 17/6/2021: Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L tiếp tục vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228; Điều 238 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

***Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vi phạm khoản 15, 16 điều 70, 72 BLTTDS

+ Về đường lối giải quyết:

Áp dụng điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân gia đình ; Khoản 4 điều 147; điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Vũ Văn L.

- Về con chung: Anh L, chị Th có 03 con chung là Vũ M Nguyệt, sinh năm 2000, Vũ Kim Gia M, sinh năm 2004 và Vũ Hoàng V, sinh năm 2011. Cháu Nguyệt đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Còn cháu M đang ở với anh L, cháu V đang ở với chị Th, đề nghị HĐXX giao cháu M cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến

khi thành niên, còn cháu V giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

- Tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 22/3/1999. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh L là hợp pháp. Nay chị Th có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh L đang cư trú tại B KH, B S, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Th, anh L đều xác định khoảng năm 2005, vợ chồng sau một thời gian chung sống thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, hơn nữa anh chị làm ăn thua lỗ, dẫn đến nợ nần, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến năm 2013 thì ngày càng căng thẳng, chị Th về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó, không ai còn quan tâm đến ai. Đến năm 2015, anh L tiếp tục chơi bời, đầu tư thua lỗ dẫn đến nợ nần, không có tiền để lấy lại nhà, chị Th đã bỏ tiền ra lấy lại phù hợp với lời khai của bà Tuất, anh Tiến và xác M tại UBND xã Bãi Sậy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh L đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung, anh L mong muốn vợ chồng về ở với nhau nhưng anh L không tìm được biện pháp gì để kéo chị Th về ở với mình. Tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt không có lý do. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài từ năm 2005, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng nhau, nên anh chị đã có thời gian dài sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị Th, anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L, chị Th không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh L, chị Th có 03 con chung là Vũ M Nguyệt, sinh năm 2000, Vũ Kim Gia M, sinh năm 2004 và Vũ Hoàng V, sinh năm 2011. Cháu Nguyệt đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Còn cháu M, cháu V, quá trình giải quyết chị Th, anh L đều có nguyện vọng được nuôi 02 cháu và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nguyện vọng được nuôi con của anh L, chị Th

là hoàn toàn chính đáng, thể hiện được trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên khi xem xét đến điều kiện kinh tế của anh L, chị Th và thực tế hiện nay của các cháu thì thấy rằng: Hiện nay cháu M đang ở với anh L, còn cháu V đang ở với chị Th. Anh L đi làm có thu nhập theo anh L khai là 9.000.000 đồng, còn chị Th làm công nhân lương hàng tháng của chị khoảng 7.000.000 đồng, vì vậy nguyện vọng của anh L, chị Th nuôi con chung là đảm bảo được về mặt kinh tế, nhưng các cháu đang sống ổn định, cháu M đang học cuối cấp, để tránh xáo trộn học tập và sinh hoạt của các cháu, nên HĐXX giao cho anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M đến khi thành niên, còn chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V đến khi thành niên là đảm bảo mọi mặt cho con chung. Về cấp dưỡng chị Th, anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu của anh L, chị Th là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh L, chị Th không đề nghị Tòa giải quyết

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 227; khoản 3 điều 228 và điều 238 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Vũ Văn L  
2- Về con chung: Giao cháu Vũ Kim Gia M, sinh năm 2004 cho anh Vũ Văn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Giao cháu Vũ Hoàng V, sinh năm 2011 cho chị Vũ Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Đôi bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Th, anh L không đề nghị Tòa giải quyết

4 - Về án phí : Chị Th phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000757 ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Th đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị Th, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Phòng GDKT và THA tỉnh
- VKSND huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Bãi Sậy, Ân Thi;
- Lưu HSVA.

**Nguyễn Đồng Dục**

